



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 06 NGÀY 18/5/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	7h00'	8h00'	30
02	Phòng 102B4	7h00'	8h00'	30
03	Phòng 104B4	7h00'	8h00'	30
04	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	30
05	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	35

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0021412009	Ngô Trường An	Nam	Kinh	02/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
2	002	0021411126	Nguyễn Duy Anh	Nam	Kinh	11/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
3	003	0020411309	Nguyễn Kiều Anh	Nữ	Kinh	15/5/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
4	004	0021412060	Nguyễn Võ Lan Anh	Nữ	Kinh	25/4/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
5	005	0022410666	Trần Đức Anh	Nam	Kinh	29/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
6	006	0024417211	Trần Thị Phương Anh	Nữ	Kinh	21/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
7	007	0021413694	Tô Hữu Bằng	Nam	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
8	008	0021410054	Đào Thị Ngọc Bích	Nữ	Kinh	10/8/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
9	009	0022310037	Nguyễn Thị Quế Châu	Nữ	Kinh	21/11/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
10	010	087095003360	Trần Minh Chiến	Nam	Kinh	19/5/1995	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
11	011	079082030592	Phạm Hiền Chương	Nam	Kinh	15/7/1982	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
12	012	0024419552	Lưu Phi Đình	Nam	Kinh	10/02/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
13	013	0021410116	Nguyễn Hà Triệu Đỗ	Nam	Kinh	25/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
14	014	0024418282	Nguyễn Ngọc Phương Dung	Nữ	Kinh	24/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
15	015	0023410351	Phan Khánh Duy	Nam	Kinh	01/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
16	016	0021412275	Dương Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	13/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
17	017	0024416715	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	02/10/2006	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
18	018	0023413439	Nguyễn Thị Thảo Giàu	Nữ	Kinh	10/6/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
19	019	0021411263	Nguyễn Tấn Hải	Nam	Kinh	29/11/2002	Cần Thơ	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
20	020	0023412440	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	01/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
21	021	0021411268	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	04/4/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
22	022	0022411406	Trần Trương Gia Hân	Nữ	Kinh	29/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
23	023	087183001611	Nguyễn Kim Hằng	Nữ	Kinh	21/02/1983	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
24	024	0023414207	Nguyễn Nhựt Hào	Nam	Kinh	10/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
25	025	0023413185	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	Kinh	14/9/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
26	026	0021411301	Phạm Thái Hiền	Nam	Kinh	19/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
27	027	0021411305	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	Kinh	22/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
28	028	0021412388	Nguyễn Đông Hồ	Nam	Kinh	19/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
29	029	0023411113	Nguyễn Thị Hội	Nữ	Kinh	17/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
30	030	0021410281	Nguyễn Phước Huy	Nam	Kinh	03/12/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4

Tổng số thí sinh: 30



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	031	0024419596	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	23/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
2	032	0024417347	Lê Vĩ	Khang	Nam	Kinh	22/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
3	033	0021410324	Đinh Đăng	Khoa	Nam	Kinh	07/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
4	034	0021412509	Lê Hữu	Khoa	Nam	Kinh	20/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
5	035	0021411395	Võ Anh	Kiệt	Nam	Kinh	01/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
6	036	0020410436	Đoàn Yến	Linh	Nữ	Kinh	13/12/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
7	037	0021412589	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	Kinh	04/04/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
8	038	0024416228	Võ Phan Yến	Linh	Nữ	Kinh	01/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
9	039	0021412609	Lâm Trường	Lộc	Nam	Kinh	27/3/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
10	040	0021411437	Huỳnh Ngọc	Luân	Nam	Kinh	23/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
11	041	0024418281	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	Nữ	Kinh	19/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
12	042	0023413353	Huỳnh	My	Nữ	Kinh	15/8/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
13	043	0021410432	Ngô Thái	My	Nữ	Kinh	07/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
14	044	0024416911	Huỳnh Thị	Mỹ	Nữ	Kinh	17/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
15	045	0022410374	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	Kinh	28/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
16	046	0022410889	Nguyễn Thị Ngọc	Nên	Nữ	Kinh	15/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
17	047	0021410472	Lê Ngọc Thu	Ngân	Nữ	Kinh	15/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
18	048	0022411466	Lê Nguyễn Châu	Ngân	Nữ	Kinh	17/4/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
19	049	0021410479	Nguyễn Lê Ngọc	Ngân	Nữ	Kinh	06/11/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
20	050	0021412728	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	10/5/2003	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
21	051	0021410484	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	24/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
22	052	0020410314	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	20/5/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
23	053	0024418402	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	24/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
24	054	0021411536	Lý Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	02/9/2002	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
25	055	0024415984	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	Kinh	20/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
26	056	0023412427	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	15/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
27	057	0021411549	Nguyễn Ngọc Trọng	Ngôn	Nam	Kinh	19/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
28	058	0019410186	Huỳnh Trung	Nguyên	Nam	Kinh	26/12/2001	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
29	059	0024417542	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	06/9/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
30	060	089201016771	Võ Thành	Nhân	Nam	Kinh	31/12/2001	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4

Tổng số thí sinh: 30



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHOA 06 NGÀY 18/5/2025

PHÒNG THI SỐ: 03

ĐỊA ĐIỂM P.104- B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	061	0024417591	Lại Minh Nhật	Nam	Kinh	03/12/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
2	062	0021410569	Bùi Lê Ái Nhi	Nữ	Kinh	23/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
3	063	0020310006	Lê Thị Đức Nhi	Nữ	Kinh	30/5/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
4	064	0022310043	Nguyễn Đặng Yến Nhi	Nữ	Kinh	31/01/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
5	065	0021411598	Võ Thị Hồng Nhi	Nữ	Kinh	06/01/2002	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
6	066	0021410615	Ngô Thị Hồng Nho	Nữ	Kinh	08/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
7	067	0021412900	Dương Thị Nhó	Nữ	Kinh	29/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
8	068	0021410616	Phan Thị Nhó	Nữ	Kinh	29/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
9	069	087305018269	Nguyễn Thị Khánh Nhu	Nữ	Kinh	30/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
10	070	0024417894	Lâm Mai Nguyệt Như	Nữ	Kinh	05/7/2002	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
11	071	0022411676	Võ Thiện Như	Nữ	Kinh	01/11/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
12	072	0024418561	Huỳnh Thị Mỹ Nhung	Nữ	Kinh	26/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
13	073	0022410429	Lê Thị Phi Nhung	Nữ	Kinh	24/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
14	074	002412947	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	Kinh	17/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
15	075	0024415916	Nguyễn Ngọc Nhung	Nữ	Kinh	29/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
16	076	0021412957	Phan Nguyễn Phước Nhựt	Nam	Kinh	06/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
17	077	0021410657	Đào Nguyễn Nguyên Nhy	Nữ	Kinh	29/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
18	078	0023414060	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
19	079	0020410565	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	Kinh	03/10/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
20	080	0023411772	Phan Bảo Phi	Nam	Kinh	04/12/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
21	081	087099008558	Hồ Thanh Phong	Nam	Kinh	16/3/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
22	082	0021413856	Trần Hồng Phúc	Nam	Kinh	29/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
23	083	0022310029	Nguyễn Thị Kim Phung	Nữ	Kinh	22/02/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
24	084	0021413048	Đỗ Minh Quân	Nam	Kinh	24/3/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
25	085	0021410717	Đỗ Ái Quốc	Nam	kinh	16/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
26	086	0021413060	Đoàn Công Quý	Nam	Kinh	09/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
27	087	0022412097	Nguyễn Đỗ Thúy Quyên	Nữ	Kinh	16/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
28	088	0022410379	Nguyễn Thị Thúy Quyên	Nữ	Kinh	07/9/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
29	089	0021410752	Nguyễn Ngọc Sang	Nam	Kinh	01/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
30	090	0021410759	Phạm Đoàn Trường Sơn	Nam	Kinh	19/11/2003	Cần Thơ	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	091	0023410053	Nguyễn Thành Tài	Nam	Kinh	05/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	092	0021411714	Võ Minh Tấn	Nam	Kinh	25/5/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	093	0021413146	Phạm Quốc Thái	Nam	Kinh	02/06/1999	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	094	0023412439	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	Kinh	21/4/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	095	0022410161	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	Kinh	18/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	096	0021411726	Đặng Thế Thắng	Nam	Kinh	27/4/2002	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	097	0024417961	Võ Trường Thắng	Nam	Kinh	06/9/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	098	0021410815	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nữ	Kinh	25/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	099	0024417657	Phạm Như Thảo	Nữ	Kinh	31/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	100	0024416646	Phạm Thanh Thảo	Nữ	Kinh	16/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	101	0021413211	Phan Thị Hồng Thi	Nữ	Kinh	13/12/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	102	0024418032	Huỳnh Lương Thiện	Nam	Kinh	20/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	103	087199003348	Phạm Thị Hồng Thơm	Nữ	Kinh	22/10/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	104	0020410715	Đỗ Thị Huyền Thư	Nữ	Kinh	02/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	105	0023411331	Lê Thị Minh Thư	Nữ	Kinh	04/8/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	106	0024415995	Nguyễn Thái Anh Thư	Nữ	Kinh	12/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	107	0023411819	Phan Minh Thư	Nữ	Kinh	27/10/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	108	089301011293	Nguyễn Thị Thanh Thuận	Nữ	Kinh	17/01/2001	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	109	0022412098	Thái Thị Diễm Thuý	Nữ	Kinh	27/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	110	0024417539	Phạm Như Thùy	Nữ	Kinh	24/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	111	0021413315	Phạm Ngọc Yến Thy	Nữ	Kinh	02/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	112	0021413325	Nguyễn Dáng Tiên	Nữ	Kinh	11/05/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	113	0023410628	Phạm Nguyễn Kiều Tiên	Nữ	Kinh	20/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	114	0022411355	Nguyễn Thanh Toàn	Nam	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	115	089198005017	Đỗ Thị Tuyết Trâm	Nữ	Kinh	13/8/1998	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	116	0021413388	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	01/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	117	0021310059	Châu Thị Mỹ Trân	Nữ	Kinh	13/4/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	118	0023410518	Đỗ Trương Bảo Trân	Nữ	Kinh	14/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	119	0024418438	Hồ Bảo Trân	Nữ	Kinh	21/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	120	0021413401	Lê Trần Ngọc Trân	Nữ	Kinh	20/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

STt	SBD*	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	121	0024417858	Nguyễn Ngọc Quế Trân	Nữ	Kinh	28/10/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	122	0021413683	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	09/10/2002	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	123	0024418635	Võ Thị Diễm Trang	Nữ	Kinh	11/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	124	0021410952	Nguyễn Quốc Trí	Nam	Kinh	12/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	125	0021411867	Nguyễn Trần Minh Trí	Nam	Kinh	01/10/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	126	0024418309	Nguyễn Minh Triết	Nam	Kinh	11/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	127	0021413456	Nguyễn Trọng Triết	Nam	Kinh	12/11/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	128	0022411298	Nguyễn Thị Thu Trinh	Nữ	Kinh	11/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	129	0022411511	Dương Thị Cẩm Trúc	Nữ	Kinh	08/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	130	0022410581	Nguyễn Thiện Trung	Nam	Kinh	16/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	131	0022411222	Nguyễn Đặng Vũ Trường	Nam	Kinh	08/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	132	0020410631	Từ Hoàng Tuấn	Nam	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	133	0021410995	Đặng Lê Hồng Tươi	Nữ	Kinh	03/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	134	0020410162	Lâm Gia Tường	Nam	Kinh	22/3/2002	Trà Vinh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	135	0022410782	Võ Mai Kim Tuyền	Nữ	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	136	0021413536	Nguyễn Kim Tuyết	Nữ	Kinh	20/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	137	0022310044	Nguyễn Đặng Yến Vân	Nữ	Kinh	27/01/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	138	0021413558	Nguyễn Thái Tường Vi	Nữ	Kinh	04/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	139	087082001331	Trần Quốc Việt	Nam	Kinh	29/3/1982	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	140	0022410877	Võ Hồ Quốc Vinh	Nam	Kinh	22/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	141	0022411955	Lê Minh Ý Vy	Nữ	Kinh	20/9/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	142	0022310045	Lê Trần Khánh Vy	Nữ	Kinh	23/01/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	143	0022411655	Nguyễn Hồ Khánh Vy	Nữ	Kinh	03/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	144	0022310014	Nguyễn Trần Thảo Vy	Nữ	Kinh	28/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	145	0022410223	Trần Khánh Vy	Nữ	Kinh	05/10/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	146	0023410092	Phạm Thị Mỹ Xuyên	Nữ	Kinh	01/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	147	0021413651	Nguyễn Ngọc Như Yên	Nữ	Kinh	14/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	148	0020410582	Nguyễn Võ Quốc Yên	Nam	Kinh	19/01/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	149	0021412539	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	08/9/2003	Đồng Tháp	6h45'		202- B4	
30	150	0021410379	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	Kinh	30/10/2003	Đồng Tháp	6h45'		202- B4	
31	151	0021411088	Phan Như Ý	Nữ	Kinh	16/11/2003	Đồng Tháp	6h45'		202- B4	
32	152	0019410066	Nguyễn Kim Thang	Nữ	Kinh	11/6/2001	Đồng Tháp		08h00'		202- B4
33	153	0021411768	Phan Phú Thịnh	Nam	Kinh	20/12/2001	Kiên Giang		08h00'		202- B4
34	154	0022310005	Trần Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	09/02/2004	Long An		08h00'		202- B4
35	155	0021411913	Phan Văn Tùng	Nam	Kinh	18/11/2003	Kiên Giang		08h00'		202- B4

Tổng số thí sinh: 35